Môn: Toán

Tên bài: **NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10; 100; 1000; …**

Tiết: 49

Ngày dạy: 14/11/2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được phép nhân nhẩm một số thập phân với 10, 100, l 000,... Vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- HS chủ động vận dụng để tính nhanh tính nhẩm khi nhân với 10, 100, 1000,... Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn. Phát triển kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm.

- HS có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

- Học sinh: SGK, nháp, bảng con, vở viết, VBT…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động mở đầu(5p)**  - Tổ chức trò chơi “ Câu cá”  - GV nêu cách chơi: Tom và Jerry cùng nhau đi câu cá. Hai bạn lần lượt thả câu để chọn câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng sẽ câu được 1 con cá. Sau 3 phút, bạn nào câu được nhiều cá hơn sẽ giành phần thắng.  Câu 1: 119 x 10 được kết quả là:  A. 119,0 B. 1 190 C. 11 900  Câu 2: 24 x 100 được kết quả là:  A. 2,4 B. 240 С. 2 400  Câu 3. 124 x 1 000 được kết quả là:  A. 1 240 B. 12 400 C. 124 000  - Nhận xét, tuyên dương  ﻿﻿- GV: Các em đã biết cách nhân nhẩm một số tự nhiên với 10; 100; 1000; ... Trong tiết học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cách nhân một số thập phân với 10; 100; 1000 | - HS tham gia chơi  - Lắng nghe cách chơi  - HS ghi đáp án đúng vào bảng con  Câu 1: B. 1190  Câu 2: С. 2 400  Câu 3: C. 124 000 | - HS tham gia chơi trò chơi |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới(15p)**  - YC HS quan sát hình vẽ trong SGK, nêu phép tính nhân phù hợp  - YC HS dự đoán xem 1000 cái kẹo nặng bao nhiêu gam?  \* Hình thành kiến thức  1,892 x 10 = 18,92  - Nhận xét kết quả tìm được với thừa số 1,892?  1,892 g x 100 = 189,2  - Nhận xét kết quả tìm được với thừa số 1,892?  1,892 x 1000 = 1892  - Cho HS rút ra nhận xét  - Trả lời câu hỏi của Voi: 1 000 cái kẹo cân nặng 1 892 g.  \* Quy tắc  - Cho HS thảo luận cặp, rút ra quy tắc nhân một số thập phân với 10; 100; 1 000;...  - GV nhận xét, kết luận  Muốn nhân một số thập phân với 10; 100;  1000; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang phải một, hai, ba; ... chữ số.  - GV nêu một phép tính: 14,56 x 100 | - HS quán sát  - HS trình bày trước lớp  + H1: 1,892 g x 1 = 1,892 g  + H2: 1,892 g x 10 = 18,92 g  + H1: 1,892 g x 100 = 189,2 g  - HS dự đoán kết quả  - Nếu chuyển dấu phẩy của 1,892 sang bên phải một chữ số thì ta được 18,92  - Nếu chuyển dấu phẩy của 1,892 sang bên phải hai chữ số thì ta được 189,2  - Nếu chuyển dấu phẩy của 1,892 sang bên phải ba chữ số thì ta được 1892.  - Lắng nghe  - HS thảo luận, nêu kết quả thảo luận của nhóm mình.  - HS thực hiện trên bảng con và nói cho bạn nghe cách làm. | - HS quan sát hình vẽ  - HS thảo luận  - HS thực hiện trên bảng con |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành(15p)**  **Bài 1 (71) Tính nhẩm**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ:  - GV mời HS nối tiếp trình bày kết quả của mình, mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  ***\*PA2: Trò chơi Truyền điện***  **Bài 2 (71)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  \*KT: Suy nghĩ – cặp – chia sẻ  - GV mời cả lớp làm vào phiếu học tập  **Bài 3 (71)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - YC HS quan sát hình 1, 2  - GV mời cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau so sánh thừa số (đầu vào) và tích (đầu ra)  - GV nhận xét  - Vận dụng quy tắc trên làm các hình 3, 4  **Bài 4 (71)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.  - GV mời cả lớp làm vào vở bài tập  - GV mời HS nộp vở.  - GV nhận xét một số vở.  **Bài 5 (71)**  - GV cho học sinh đọc yêu cầu của bài toán (SGK)  - Cho học sinh làm bài vào vở - chia sẻ bài làm với bạn  - HS chia sẻ bài làm trước lớp  - HS nhắc lại nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,…  - Nhận xét tiết học | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - Cả lớp làm việc cá nhân.  a) 3,87 x 10 = 38,7  49,8 × 10 = 498  261,9 x 10 = 2619  b) 6,854 × 100 = 685,4  15,09 × 100 = 1509  0,097 × 100 = 9,7  с) 0,3865 × 1 000 = 386,5  6,794 × 1 000 = 6794  15,961 × 1 000 = 15961  d) 6,21 × 1 000 = 6210  1,8 × 1 000 = 1800  0,5 × 1 000 = 500  - HS trình bày kết quả của mình, mời các HS khác nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp làm vào phiếu học tập:  a) Con chuồn chuồn đỏ dài khoảng 3,5 cm.  b) Hình ảnh phóng to của con bọ rùa đó dài khoảng 762 mm.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - Quan sát  - HS làm theo nhóm 2.  + Thừa số 0,341 và tích 34,1 ta thấy dấu phẩy được dịch chuyển sang bên phải hai chữ số. Tức là nhân 0,341 với 100.  + Thừa số 0,009 và tích 0,9. Dấu phẩy cũng được dịch chuyển sang bên phải hai chữ số. Tức là nhân 0,009 với 100.  - HS làm bài vào vở  5,66 x 100 = 566  21,5 x 100 = 2150  - 1 HS đọc yêu cầu bài 4.  - HS làm vào vở bài tập.  Bài giải:  Diện tích mặt sàn của hội trường là:  0,36 x 1 000 = 360 (m2)  Đáp số: 360 m2  - HS nộp vở.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu – Tìm cách giải bài toán.  - Học sinh làm bài vào vở - chia sẻ bài làm với bạn  - 1HS trình bày bài làm – HS khác nhận xét.  Bài giải  Bếp ăn bán trú đó đã nhận số ki-lô-gam cà chua và dưa chuột là:  (4,5 x 10) + (12,5 x 10) = 170 (kg)  Đáp số: 170 kg cà chua và dưa chuột.  - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe GV dặn dò. | - HS nêu được yêu cầu bài tập  - HS làm được bài tập:  a) 3,87 x 10 = 38,7  49,8 × 10 = 498  261,9 x 10 = 2619  - HS nêu được yêu cầu bài tập  - HS trả lời được:  a) Con chuồn chuồn đỏ dài khoảng 3,5 cm.  - HS nêu được yêu cầu bài tập  - HS làm bài  5,66 x 100 = 566  21,5 x 100 = 2150  - HS nêu được yêu cầu bài tập  - HS làm bài theo khả năng của bản thân  - HS nêu được yêu cầu bài tập  - HS làm bài theo khả năng của bản thân |
| **4. Hoạt động vận dụng và trải nghiệm(5p)**  - Kiến thức bài học hôm nay có thể giúp em giải quyết bài toán nào trong thực tế? | - HS: Các bài toán liên quan đến việc nhân 1 số thập phân với 10, 100, 1000, ...  HS nêu ví dụ về bài toán thực tế. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………